

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HSST

Ngày: 21/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA
ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Hải A và bà Lê Thị O.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang V – Thư ký TA.

Đại diện VKSND huyện K: Bà Lê Thị T - KSV.

Hôm nay, ngày 21/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/HSST ngày 24/02/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/HSST-QĐXX ngày 07/3/2023 đối với bị cáo **Lê Đình C**, sinh năm: 1980; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: thôn P, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Lê Đình T2 và bà Lê Thị H1. Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là con lớn; Có vợ là Nguyễn Thị O1, sinh năm 1983 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Nhân thân:

Tại bản án số 59/2012/HSST, ngày 14/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong bản án ngày 01/9/2014.

Tại bản án số 53/2017/HSST, ngày 12/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong bản án ngày 16/11/2018. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa). **Những người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Đăng T3, sinh năm 1980; Trú tại: thôn T4, xã T5, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Chị Nguyễn Thị O1, sinh năm 1983; Trú tại: thôn P, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên; (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1954; Trú tại: thôn D, xã T5, huyện K, tỉnh Hưng Yên; (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do nghiện chất ma túy nên nên khoảng 05 giờ 00 phút ngày 15/11/2022, Lê Đình C mang theo số tiền 590.000đ rồi đi bộ từ nhà ra đường rồi xin đi nhờ xe của một người đàn ông lạ mặt (Không biết tên tuổi địa chỉ) đến xã T5, huyện K để tìm mua chất ma túy về sử dụng. Khi đi đến khu vực thôn T4, xã T5, C xuống xe đi bộ trên đường bê tông thôn B, xã T5 thì gặp một người đàn ông khoảng hơn 40 tuổi, cao khoảng 1,65m, mặc quần đùi màu đen, áo phông cộc tay màu trắng, đội mũ lưỡi trai đang đứng ở cạnh đường, có biểu hiện giống người nghiện ma túy nên tiến lại gần và hỏi: “*Anh để cho em một cái?*”. Người đàn ông này hiểu ý C hỏi mua ma túy, C đưa cho người này 590.000đ. Người này cầm tiền đồng thời đưa cho C 03 gói giấy nhỏ màu trắng (loại giấy vở học sinh). C không mở ra kiểm tra nhưng tin chắc bên trong chứa ma túy nên cất ở túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi đi bộ quay về. Đến khoảng 06 giờ 05 phút cùng ngày, khi C đang đi trên đoạn đường bê tông thôn B, xã T5, huyện K thì bị lực lượng Công an huyện K phối hợp với Công an xã T5 kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ và niêm phong 03 gói giấy màu trắng trên theo quy định để gửi đi giám định.

Vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện thu giữ gồm: 03 gói giấy nhỏ màu trắng bên trong có chứa chất màu trắng dạng cục và bột.

Tại Bản kết luận giám định số: 412/KL-KTHS (MT) ngày 18/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong, có khối lượng là: 0,356 gam, là ma túy, là loại: Heroine. Hoàn lại 0,342 gam Heroine sau giám định.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSKC, ngày 21/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo C và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015; Đề nghị xử phạt bị cáo C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 15/11/2022; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K còn đề nghị về đường lối xử lý vật chứng trong vụ án.

Bị cáo C nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải,

được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

Những người làm chứng là anh Nguyễn Đăng T3, chị Nguyễn thị O1 và ông Phạm Văn L đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo C đã thừa nhận do bản thân mắc nghiện chất ma túy nên sáng sớm ngày 15/11/2022 đã cầm theo 590.000đ đi tìm mua ma túy để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang tại đường bê tông thuộc thôn B, xã T5, huyện K, bị thu giữ và niêm phong 03 gói giấy nhỏ màu trắng trên theo quy định để gửi đi giám định. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản đóng, mở niêm phong; Lời khai của những người làm chứng là anh Nguyễn Đăng T3, chị Nguyễn thị O1 và ông Phạm Văn L; Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, phù hợp với vật chứng thu giữ được và tất cả các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 06 giờ 05 phút ngày 15/11/2022, tại đoạn đường bê tông thuộc thôn B, xã T5, huyện K, Lê Đình C đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,356 gam Heroine với mục đích để sử dụng thì bị phát hiện, bắt giữ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố C theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 32/CT-VKSKC, ngày 21/02/2022 là có căn cứ.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo C gây nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ: Bị cáo đã vi phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được Bộ luật hình sự bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an. Bản thân bị cáo C nhận thức rất rõ tác hại của ma túy, biết được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo đã sẵn sàng vi phạm pháp luật, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước. Bản thân bị cáo là một minh chứng cho những điều nhận định nêu trên. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4.1]. Về nhân thân: Tại bản án số 59/ 2012/HSST, ngày 14/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong bản án ngày 01/9/2014; Tại bản án số 53/ 2017/HSST, ngày 12/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong bản án ngày 16/11/2018.

[4.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C từng 02 lần bị đưa ra xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng đối chiếu với quy định của BLHS năm 2015 thì đã thuộc trường hợp được xóa án tích nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người khó cải tạo, đã từng nhiều lần bị kết án về tội phạm cùng loại “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, nhưng sau khi chấp hành xong các bản án nêu trên bị cáo đã không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy, lần phạm tội này cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và việc bị cáo Tàng trữ trái phép chất ma túy cũng để phục vụ cơn nghiện

của mình chứ không có mục đích tư lợi nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 5 Điều 249 của BLHS năm 2015, để phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015 để xử lý vật chứng như sau: Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật chứng trong vụ án được nhà nước độc quyền quản lý, cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy 0,342 gam Heroine sau giám định.

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo C phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS 2015.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS năm 2015. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình C 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/11/2022.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015. Tịch thu cho tiêu hủy 0,342 gam Heroine sau giám định. (Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKS - KC ngày 21/02/2022 của VKSND huyện Khoái Châu).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Đình C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS năm 2015. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/3/2023).

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu H

